

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN DA LIỄU QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 459/TB-BVDLQN

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 9 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp Thiết bị y tế tại Việt Nam

Bệnh viện Da liễu Quảng Nam có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo làm căn cứ lập dự toán trình cấp thẩm quyền phân bổ kinh phí mua sắm thiết bị y tế cho bệnh viện năm 2026 với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Da liễu Quảng Nam;

Địa chỉ: Đường N24, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Lê Thị Loan, nhân viên khoa Xét nghiệm - CDHA - Dược - Vật tư y tế; Số điện thoại: 0961 180 609.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện tại địa chỉ: Khoa Xét nghiệm - CDHA - Dược - Vật tư y tế, Bệnh viện Da liễu Quảng Nam.

Địa chỉ: Đường N24, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h00 ngày 20/9/2025 đến 14h30 ngày 30/9/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

Sau thời điểm tiếp nhận báo giá nêu trên, các công ty phải gửi File PDF scan có dấu đỏ và File mềm hồ sơ báo giá về địa chỉ mail: khoaxnduocbvdl@gmail.com để thuận lợi cho việc tổng hợp và đánh giá các báo giá.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 365 ngày, kể từ ngày 29/9/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Số lượng	Đơn vị tính
1	Máy laser HE-NE	Mô tả chi chi tiết Phụ lục 1	01	Máy
2	Nồi hấp tiệt trùng	Mô tả chi chi tiết Phụ lục 1	01	Cái
3	Máy xét nghiệm huyết học tự động	Mô tả chi chi tiết Phụ lục 1	01	Máy

4	Kính hiển vi có gắn camera	Mô tả chi chi tiết Phụ lục 1	01	Máy
	Tổng: 04 mục			

2. Nội dung báo giá: Theo mẫu “Phụ lục 2” đính kèm.

3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Tại địa chỉ Bệnh viện Da liễu Quảng Nam, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày sau khi có quyết định trúng thầu.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thỏa thuận khi thương thảo hợp đồng.

Ghi chú:

- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng không giá.

- Đơn vị tham gia báo giá cung cấp kèm theo báo giá các tài liệu liên quan đến thiết bị y tế báo giá **03 bộ có dấu đỏ** đúng theo các quy định hiện hành về quản lý thiết bị y tế, đồng thời chịu trách nhiệm về giá và tính pháp lý tài liệu cung cấp cho bệnh viện.

- Ngoài phong bì yêu cầu ghi rõ: Tên đơn vị, tên Công ty, địa chỉ, số điện thoại và **“Báo giá thiết bị y”**.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử bệnh viện;
- Lưu: VT, XN-CĐHA-D-VTTYT, TC-HC&TC-KT.



Nguyễn Văn Cẩm

Phụ lục 1:
YÊU CẦU CẤU HÌNH KỸ THUẬT THIẾT BỊ Y TẾ
 (Kèm theo Yêu cầu báo giá số 159 /TB-BVDLQN ngày 19 /9/2025
 của Bệnh viện Da liễu Quảng Nam)

1. MÁY LASER HE-NE

TT	CẤU HÌNH KỸ THUẬT
1	Yêu cầu chung - Hàng mới 100%; - Sản xuất năm 2025 trở về sau; - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương; - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao và đưa máy vào sử dụng.
2	Cấu hình cho 1 hệ thống - Máy chính: 01 máy - Dây quang dẫn: 01 dây - Chìa khóa nguồn: 1 bộ - Dây nguồn: 01 dây - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Tiếng Việt: 01 quyển
3	Thông số kỹ thuật - Loại Laser: He-Ne - Bước sóng: 632,8 nm - Công suất phát laser: 0 - 50 mW (max) - Hệ thống truyền dẫn tia: Dây quang dẫn - Dòng phát laser tối ưu: 12 mA - Cao áp: 7KV - Thời gian đặt tự động: 1 – 99 phút - Công suất tiêu thụ: 60W (max) - Điện áp nguồn: 220VAC$\pm$10%/50Hz - Điều kiện làm việc cho phép: T$\leq$ 40°C, H$\leq$80%

2. NỒI HẤP TIỆT TRÙNG

TT	CẤU HÌNH KỸ THUẬT
1	Yêu cầu chung - Thiết bị phải được sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%; - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương; - Điện nguồn sử dụng: 220V/50Hz; - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao và đưa máy vào sử dụng.
2	Cấu hình cho 1 hệ thống - Máy chính: 01 máy - Phụ tùng đi kèm: + Giỏ lưới bằng thép không rỉ: 02; + Bình chứa thải: 01; + Khay xả: 01; + Ron cao su cho nắp nồi hấp: 01. - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/tiếng Việt: 01 quyển
3	Yêu cầu tính năng và thông số kỹ thuật

	- Dung tích: ≥ 105 L - Đường kính buồng làm việc: ≥ 400 mm - Áp suất tối đa: 0,25 MPa - Nhiệt độ cài đặt và khả dụng (độ phân giải 1°C): Tiet trùng sai lệch tại các mức 100°C, 115°C, 121°C và 135°C không quá 2°C khi kiểm tra tại 9 điểm trong nồi hấp. - Điều khiển bằng bộ vi xử lý, hiển thị quy trình. - Hệ thống an toàn/cảnh báo: + Hệ thống khóa Lid Interlock, khóa cơ điện; + Hệ thống kiểm tra khi đóng nắp; + Phát hiện quá nhiệt, ngăn chặn thiếu nước; + Báo hiệu đầu dò bị hỏng, báo hiệu thời gian bất thường. - Cung cấp chứng nhận hiệu chuẩn nhiệt độ, áp suất và kiểm định an toàn sau khi lắp đặt. - Dịch vụ kiểm tra IQ/OQ/PQ ngay sau khi lắp đặt.
--	--

2. MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG

TT	CẤU HÌNH KỸ THUẬT
1	Yêu cầu chung - Thiết bị phải được sản xuất năm 2025 trở về sau; - Hàng mới 100%; - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương; - Điện nguồn sử dụng: 220V/50Hz; - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa $\geq 30^{\circ}\text{C}$; + Độ ẩm tối đa $\geq 85\%$; - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao và đưa máy vào sử dụng.
2	Yêu cầu cấu hình thiết bị - Máy chính: 01 máy - Máy in: 01 cái - Bộ hóa chất chạy máy ban đầu: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 bộ
3	Yêu cầu tính năng và thông số kỹ thuật - Phương pháp đo: + Đếm tế bào máu: Đo trở kháng điện hoặc tương đương + Hemoglobin: Đo bề mặt (so màu) hoặc tương đương + Hematocrit: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương + Phân tích các thành phần bạch cầu: Đo quang bằng tia Laser + Plateletcrit: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương + Dải phân bố hồng cầu: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương + Dải phân bố tiểu cầu: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương - Thông số đo: 25 thông số bao gồm: + 23 thông số báo cáo: WBC, NE%, LY%, MO%, EO%, BA%, NE, LY, MO, EO, BA, RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, RDW-SD, RDW-CV, PLT, PCT, MPV, PDW. + 2 thông số nghiên cứu: IG, IG% - Dải đo: + WBC: 0 – $\geq 290 \times 10^3/\mu\text{L}$

- + NE%: 0 – $\geq 99\%$
- + LY%: 0 – $\geq 99\%$
- + MO%: 0 – $\geq 99\%$
- + EO%: 0 – $\geq 99\%$
- + BA%: 0 – $\geq 99\%$
- + NE: 0 – $\geq 290 \times 10^3/\mu\text{L}$
- + LY: 0 – $\geq 290 \times 10^3/\mu\text{L}$
- + MO: 0 – $\geq 290 \times 10^3/\mu\text{L}$
- + EO: 0 – $\geq 290 \times 10^3/\mu\text{L}$
- + BA: 0 – $\geq 290 \times 10^3/\mu\text{L}$
- + RBC: 0 – $\geq 14 \times 10^6/\mu\text{L}$
- + HGB: 0 – $\geq 29\text{g/dL}$
- + HCT: 0 – $\geq 99\%$
- + MCV: 20 – $\geq 190\text{fL}$
- + MCH: 10 – $\geq 50\text{pg}$
- + MCHC: 10 – $\geq 50\text{g/dL}$
- + PLT: 0 – $\geq 1400 \times 10^3/\mu\text{L}$
- + RDW: 0 – $\geq 50\%$
- + PCT: 0 – $\geq 2.5\%$
- + MPV: 0 – $\geq 20.0\text{fL}$
- + PDW: 0 – $\geq 50.0\%$

- Độ lặp lại:

- + WBC: $\leq 2.0\%$
- + NE%: $\leq 5.0\%$
- + LY%: $\leq 5.0\%$
- + MO%: $\leq 12.0\%$
- + EO%: $\leq 20.0\%$
- + BA%: $\leq 30.0\%$
- + RBC: $\leq 1.5\%$
- + HGB: $\leq 1.5\%$
- + MCV: $\leq 1.0\%$
- + PLT: $\leq 4.0\%$

- Thử tích mẫu:

- + $\leq 55\mu\text{L}$ máu toàn phần (CBC+ DIFF);
- + $\leq 30\mu\text{L}$ máu toàn phần (CBC);
- + Máu pha loãng trước: $\leq 10\mu\text{L}$ hoặc $\leq 20\mu\text{L}$.

- Công suất: ≥ 60 mẫu /giờ

- Màn hình:

- + LCD ≥ 10 inch, màn hình cảm ứng.
- + Độ phân giải: $\geq 800 \times 600$ dots
- + Hiện thị: dữ liệu số, biểu đồ, điều kiện đo, thông tin cảnh báo.

- Quản lý thông tin:

- + Có chương trình quản lý chất lượng QC: X-R, L&J (Levey Jennings), XB
- + Có hiện thị cờ báo với các kết quả phân tích: ≥ 15 cờ báo cho Bạch cầu, ≥ 5 cờ báo cho Hồng cầu và ≥ 3 cờ báo cho tiểu cầu
- + Có chức năng cảnh báo cho người sử dụng khi hoá chất gần hết.
- + Có chức năng tự động loại bỏ tắc.
- + Khi bạch cầu cao, máy tự động chạy lại và đếm ở chế độ pha loãng mẫu cao

	hơn. + Có thể lưu được ≥ 400 dữ liệu số và ≥ 50 đồ thị. + Khả năng lưu trữ mở rộng: Có khả năng lưu được ≥ 15.000 kết quả với thẻ nhớ ngoài
--	--

4. KÍNH HIỂN VI CÓ GẮNG CAMERA

TT	CẤU HÌNH KỸ THUẬT
1	Yêu cầu chung
	- Hàng mới 100%; - Sản xuất từ năm 2025 trở về sau; - Nguồn điện: 220V/50Hz; - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương; - Bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao và đưa máy vào sử dụng.
2	Kính hiển vi hai mắt
2.1	Yêu cầu cấu hình thiết bị
	- Thân kính hiển vi: 01 cái - Thị kính 10x, đường kính vi trường 20 mm: 02 cái - Vật kính phẳng 4X: 01 cái - Vật kính phẳng 10X: 01 cái - Vật kính phẳng 40X: 01 cái - Vật kính phẳng 100XOil: 01 cái - Dây điện nguồn: 01 cái; - Lọ dầu soi ≥ 8cc: 01 lọ; - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
2.2	Yêu cầu tính năng và thông số kỹ thuật
	- Hệ thống quang học Vô cực - Đầu quan sát hai thị kính. Có thể điều chỉnh khoảng cách giữa hai đồng tử 48 – 75mm. Có vòng chỉnh độ diop phù hợp với từng người quan sát. - Thị kính chống mốc 10X, quang trường rộng F.N 20, góc nhìn 30o, mỗi thị kính có điều chỉnh độ Diop. - Mâm gắn vật kính có 4 vị trí lắp vật kính. - Vật kính phẳng 4X/ độ mở 0.10, khoảng cách làm việc 27.8 mm - Vật kính phẳng 10X/ độ mở 0.25, khoảng cách làm việc 8.0 mm - Vật kính phẳng 40X/ độ mở 0.65, khoảng cách làm việc 0.6 mm - Vật kính phẳng 100XOil/ độ mở 1.25, khoảng cách làm việc 0.13 mm - Độ phóng đại 1000 lần - Núm chỉnh di chuyển loại đồng trục bố trí bên phải. Hành trình di chuyển mẫu: XxY 76x30mm - Hộp tụ quang dùng cho kỹ thuật trường sáng, có 6 mức độ điều chỉnh màn chắn sáng từ 1.8 – 29 mm, có núm dịch chuyển hộp tụ quang lên xuống - Nguồn sáng đèn LED, công suất 0.5 W, tuổi thọ dài 20.000 giờ - Điều chỉnh tiêu cự tinh/thô nhẹ dễ dàng, giới hạn điều chỉnh tiêu cự 15 mm. Độ chính xác của điều chỉnh tiêu cự tinh là 2.5μm. Điều chỉnh tinh 0.3 mm/vòng quay - Khóa tiêu cự bảo vệ vật kính và mẫu tránh các tác động bên ngoài gây hỏng - Chống trượt trên thân kính có đầu nổi dùng cho khóa kính
3	Camera kỹ thuật số dùng cho kính hiển vi

3.1	Yêu cầu cấu hình thiết bị
	- Camera: 1 cái - Adaptor chia quang: 1 cái - Cáp USB 2.0 1,5m: 1 sợi - Đĩa CD driver: 1 cái
3.2	Yêu cầu tính năng và thông số kỹ thuật
	- Độ phân giải: 5.1 MegaPixel - Cảm biến: 5.1M/ AR0521 (C) - Kích thước cảm biến 1/2.5 inch - Độ phân giải tối đa: 5.1 MegaPixel - Kích thước điểm ảnh: 2.2 x 2.2μm - Giao diện nối kính hiển vi: C-Mount - Kỹ thuật màu: UltraFine Color Engine - Tần số quét: 30@2592x1944; 30@1280x960; 30@640x480 - Ngõ ra video: USB 2.0 - Độ nhạy sáng: 18.8ke/lux 73dB - Phơi sáng: Tự động hoặc tùy chỉnh 0.1ms - 1000ms - Cân bằng trắng: ROI White Balance/ Manual Temp-Tint - Chức năng: Live view, chụp ảnh và quay video Ứng dụng trên máy tính: + Cài đặt trên PC khi kết nối qua cổng USB. + Chức năng: Chụp hình/ ghi video và lưu trữ trên ổ cứng máy tính. + Cho phép mềm ứng dụng thứ 3 kết nối vào camera. - Nguồn cấp điện: DC 5V qua cổng USB - Nhiệt độ môi trường hoạt động: -10°C – 50°C - Nhiệt độ môi trường bảo quản: -20°C – 60°C - Độ ẩm môi trường hoạt động: 30% - 80% RH - Độ ẩm môi trường bảo quản: 10% - 60% RH
4	Máy vi tính + máy in màu để truy xuất hình ảnh từ camera: 01 bộ

Ghi chú: Yêu cầu cấu hình kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế các Đơn vị cung cấp. Các Đơn vị có thể chào giá hàng hóa có cấu hình kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.

Phụ lục 2: Mẫu báo giá

CÔNG TY.....
 MÃ SỐ THUÊ:
 ĐỊA CHỈ:
 EMAIL:
 SỐ ĐIỆN THOẠI:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Da liễu Quảng Nam

Trên cơ sở yêu cầu chào giá số...../TB-BVDLQN ngày...../...../2025 của Bệnh viện Da liễu Quảng Nam, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế theo đúng quy định hiện hành).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 365 ngày, kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

- Báo giá này có hiệu lực 365 ngày, kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2025.

- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực. Trong trường hợp có sai sót chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

.....ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu)**

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) và ghi rõ số tiền cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu. Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu vào báo giá.